

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 3 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP,
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hoàng Khải

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1972 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M tự nguyện tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống ông bà không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thời

gian gần đây ông M không quan tâm, chăm lo cho vợ con nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông M đã ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay.

Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung, tên Lê Thanh M1 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/4/2007, hiện đang sống chung với bà T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn M. Con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thanh M1, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn M thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thanh T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông M cũng đồng ý, con chung ông M đồng ý để bà T nuôi dưỡng cháu Lê Thanh M1. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Võ Văn M.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, quá trình chung sống ông bà không có đăng ký theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*”. Do đó, hôn nhân giữa

bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M không có giá trị pháp lý.

Tuy nhiên, bà Lê Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn M. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M không đăng ký kết hôn theo quy định nhưng có yêu cầu ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ...”* và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông M có 01 con chung, tên Lê Thanh M1 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/4/2007, hiện đang sống chung với bà T. Tại bản tự khai của cháu Lê Thanh M1 có nguyện vọng xin được sống chung với mẹ (bà Lê Thanh T). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M cùng thống nhất giao cháu Lê Thanh M1 cho bà Lê Thanh T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Lê Thanh M1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu Lê Thanh M1 cho bà Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thanh T và ông Võ Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh M1 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/4/2007 cho bà Lê Thanh T nuôi dưỡng. Bà T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thanh T phải chịu nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0001722 phiếu lập ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Võ Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil